

Số: 04 /2022/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đơn giá vật nuôi thủy sản làm cơ sở xác định giá trị bồi thường,
hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 201/TTr-SNNPTNT ngày 24 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá vật nuôi thủy sản làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất; cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi thủy sản thì người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Trường hợp vật nuôi thủy sản có thể di chuyển thì được bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển và thiệt

hại do di chuyển gây ra. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán chi phí di chuyển nhưng tối đa không vượt quá đơn giá bồi thường vật nuôi thủy sản, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Chỉ thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với vật nuôi thủy sản tồn tại trên đất bị thu hồi trước khi có thông báo thu hồi đất; không bồi thường, hỗ trợ đối với vật nuôi thủy sản được tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Đơn giá bồi thường vật nuôi thủy sản chưa tính giá trị đầu tư ao hồ. Vật nuôi thủy sản chỉ được bồi thường trong trường hợp tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch. Trường hợp vật nuôi thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch tại thời điểm thu hồi đất thì không được bồi thường.

4. Đối với vật nuôi thủy sản chưa có tên trong bảng đơn giá thì tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng căn cứ theo vật nuôi thủy sản tương đương để áp đơn giá bồi thường cho phù hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ

Stt	Vật nuôi trên đất mặt nước	Đvt	Đơn giá bồi thường	
			Thời kỳ ươm dưỡng con giống	Thời kỳ con giống đang phát triển
1	Nuôi vùng đầm phá			
a	Nuôi chuyên tôm	đ/m ²	3.650	18.862
b	Nuôi xen ghép	đ/m ²		13.421
c	Nuôi chuyên cá	đ/m ²		16.582
d	Nuôi sinh thái (chấn sáo, nhuyễn thể)	đ/m ²		10.212
2	Nuôi vùng cát ven biển			
a	Nuôi tôm thẻ chân trắng	đ/m ²	16.740	33.602
b	Nuôi ốc hương	đ/m ²		60.262
3	Nuôi cá ao đất nước ngọt	đ/m ²	2.190	5.521

(Thời kỳ ươm dưỡng con giống đối với tôm <30 ngày; đối với cá <60 ngày).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2022.

2. Đối với những công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo Quyết định này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban TV Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TC, ND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương